



CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11/23/2011/QĐ-CTN

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH
Về đặc xá năm 2011

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ Luật đặc xá năm 2007;

Thực hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của Đảng, Nhà nước và truyền thống nhân đạo của dân tộc đối với người phạm tội bị kết án phạt tù, khuyến khích họ phấn đấu học tập, rèn luyện tiến bộ trở thành người có ích cho xã hội;

Xét đề nghị của Chính phủ tại Tờ trình số 109/TTr-CP, ngày 12/7/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện đặc xá tha tù trước thời hạn cho người bị kết án phạt tù có thời hạn, tù chung thân nhân dịp Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/2011).

Thời gian đã chấp hành án phạt tù để xét đặc xá tính đến ngày 31 tháng 8 năm 2011.

Điều 2. Đối tượng đặc xá bao gồm:

Người bị kết án phạt tù có thời hạn, tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn đang chấp hành án phạt tù tại trại giam, trại tạm giam do Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quản lý.

Điều 3. Điều kiện được đề nghị đặc xá.

1. Người bị kết án phạt tù có thời hạn, tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn đang chấp hành án phạt tù được đề nghị đặc xá phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Chấp hành tốt Nội quy của trại giam, trại tạm giam; tích cực học tập, lao động; trong quá trình chấp hành án phạt tù được xếp loại cải tạo từ loại khá trở lên; khi được đặc xá không làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

b) Đã chấp hành án phạt tù ít nhất là một phần ba thời gian đối với hình phạt tù có thời hạn, nếu trước đó đã được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù thì thời hạn được giảm không được tính vào thời gian đã chấp hành án phạt tù; đã chấp hành án phạt tù ít nhất là mười bốn năm đối với hình phạt tù chung thân, nếu sau khi đã được giảm xuống tù có thời hạn mà tiếp tục được giảm thời hạn chấp hành án phạt tù thì thời hạn được giảm sau đó không được tính vào thời gian chấp hành án phạt tù;

c) Đã chấp hành xong hình phạt bổ sung là phạt tiền, bồi thường thiệt hại, án phí hoặc nghĩa vụ dân sự khác trừ những phạm nhân không bị kết án phạt tù về các tội phạm về tham nhũng đã 70 tuổi trở lên hoặc trên 60 tuổi nhưng thường xuyên ốm đau hoặc người đang mắc bệnh hiểm nghèo mà bản thân người đó và gia đình không còn khả năng thực hiện.

2. Người bị kết án phạt tù có thời hạn, tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn đang chấp hành án phạt tù có đủ điều kiện quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều này đã chấp hành án phạt tù ít nhất là một phần tư thời gian đối với hình phạt tù có thời hạn; ít nhất là mười hai năm đối với hình phạt tù chung thân đã được giảm xuống tù có thời hạn, khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đã lập công lớn trong thời gian chấp hành án phạt tù, có xác nhận của trại giam, trại tạm giam;

b) Là thương binh; bệnh binh; người có thành tích trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội được tặng thưởng một trong các danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động, Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Nghệ sỹ nhân dân; được tặng thưởng Huân chương, Huy chương kháng chiến, các danh hiệu Dũng sỹ trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước; người có thân nhân là liệt sỹ; con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng; con của Gia đình có công với nước;

c) Khi phạm tội là người chưa thành niên;

d) Là người từ 70 tuổi trở lên;

đ) Là người đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc từ 60 tuổi trở lên mà thường xuyên ốm đau, có kết luận giám định y khoa hoặc xác nhận bằng văn bản của cơ quan y tế có thẩm quyền;

e) Có hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, bản thân là lao động duy nhất trong gia đình, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi gia đình người đó cư trú;

e) Nữ phạm nhân đang có thai hoặc có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi đang ở với mẹ trong trại giam, trại tạm giam.

Điều 4. Các trường hợp không đề nghị đặc xá:

Người có đủ điều kiện quy định tại Điều 3 của Quyết định này không được đề nghị đặc xá nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Bản án hoặc quyết định của Tòa án đối với người đó đang có kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm;
2. Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội khác;
3. Trước đó đã được đặc xá;
4. Có từ hai tiền án trở lên;
5. Phạm tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia;
6. Thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại trên sáu năm đối với người được quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 3; trên tám năm đối với người được quy định tại khoản 2, Điều 3 Quyết định này.
7. Phạm các tội về ma túy bị phạt tù đến bảy năm mà thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại trên một năm; phạm các tội về ma túy bị phạt tù trên bảy năm đến mười lăm năm mà thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại trên hai năm; phạm các tội về ma túy bị phạt tù trên mười lăm năm, tù chung thân mà thời hạn chấp hành án phạt tù còn lại trên ba năm;
8. Có căn cứ khẳng định là đã sử dụng trái phép chất ma túy;
9. Đồng thời phạm hai tội: giết người và cướp tài sản; giết người và hiếp dâm; giết người và hiếp dâm trẻ em; cướp tài sản và hiếp dâm; cướp tài sản và hiếp dâm trẻ em;
10. Phạm tội giết người có tổ chức; cướp tài sản có tổ chức hoặc có sử dụng vũ khí; cướp giạt tài sản có tính chất chuyên nghiệp; cướp giạt tài sản có tổ chức hoặc gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng;
11. Có một tiền án hoặc đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục mà bị kết án phạt tù về một trong các tội sau đây: về ma túy; giết người; hiếp dâm trẻ em; cướp tài sản; cướp giạt tài sản; cưỡng đoạt tài sản; lừa đảo chiếm đoạt tài sản; trộm cắp tài sản; bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản; mua bán phụ nữ; mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em; cố ý gây thương tích có tính chất côn đồ hoặc băng, nhóm thanh toán lẫn nhau.

Điều 5. Đặc xá trong trường hợp đặc biệt.

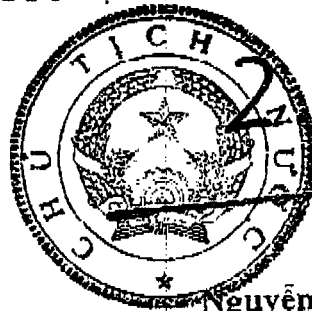
1. Chính phủ chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan, tổ chức có liên quan lập hồ sơ của người được đề nghị đặc xá trong trường hợp đặc biệt theo Điều 21, 22 của Luật đặc xá để trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.
2. Tòa án nhân dân tối cao chỉ đạo, hướng dẫn và tập hợp hồ sơ, danh sách người đang được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù được đề nghị đặc xá trong trường hợp đặc biệt.

Điều 6. Chính phủ chỉ đạo việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến về ý nghĩa, mục đích và nội dung của hoạt động đặc xá; chỉ đạo Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, các cơ quan khác của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện đặc xá theo quy định của Luật đặc xá, Quyết định về đặc xá năm 2011 của Chủ tịch nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng tư vấn đặc xá, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



17/10/2011

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Ủy Ban Thường vụ Quốc hội;
- Như Điều 7;
- Lưu: VT, PL.

Nguyễn Minh Triết